**TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN CỒN**

**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022 - 2023**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7 – BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC**

**Thời gian 60 phút**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

-Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.

-Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp

-Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô

-Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.

-Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người)

-Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người)

-Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.

-Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.

-Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người)

-Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).

-Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...

-Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.

-Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích được một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập

-Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật

-Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật.

- Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng).

- Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường).

-Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).

-Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật

-Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.

-Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính

-Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính).

**2. Về phẩm chất**

 - Trung thực: Nghiêm túc khi làm bài không gian lận

- Trách nhiệm*:* có trách nhiệm với bài làm của mình

- Chăm chỉ : Chịu khó, ham học ôn tập theo sự hướng dẫn của giáo viên

**II. YÊU CẦU**

Giáo viên : Xây dựng về nội dung kiểm tra ,ma trận đặc tả, đề và hướng dẫn chấm

Học sinh : Ôn tập chủ đề đã học

**III. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra cuối kì II | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 2 | 15 phút | Kiểm tra cuối kì II | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

# 1.Khung ma trận

#  a.Khung ma trận

* + **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì II khi kết thúc chương trình HKII
	+ **Thời gian làm bài:** 60 phút.
	+ **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

# Cấu trúc:

* + **Mức độ đề**: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
	+ **Phần trắc nghiệm:** 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;
	+ **Phần tự luận:** 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).
	+ **Nội dung nửa đầu học kì II:** 25% (2,5 điểm)
	+ **Nội dung nửa học kì sau:** 75% (7,5 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Trắc nghiệm | **Chủ đề** |  | MỨC ĐỘ | Tổng số ý tự luận/ Số câu TN( Số yêu cầu cần đạt)  | Điểm số |
| 40% |  | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| Tự luận |  | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm |
| 60% | *1* | *Số tiết* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| 8 tuần đầu HK | *1.Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật* | *27* | 1 | **4** |   | **2** | 1 |  |   |  | 2 | 6 | 2,50 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 25% |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 tuần cuối HK | *2.Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật* | *6* |   | **1** | 1 | **2** |   |  |   |  | 1 | 3 | 1,25 |
| *3.Cảm ứng ở sinh vật* | *7* | 1 | **1** |   |  | 1 |  |   |  | 2 | 1 | 1,25 |
| *4.Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật* | *8* | 1 | **2** |   |  | 2 |  |  |  | 3 | 2 | 2,00 |
| *5.Sinh sản ở sinh vật* | *11* |   | **2** | 2 | **2** |   |  | 2 |  | 4 | 4 | 3,00 |
| 75% |  |  |   |  |   |  |   |  |   |  | 0 | 0 | 0,00 |
|  |  |   |  |   |  |   |  |  |  | 0 | 0 | 0,00 |
|  | **Số câu TN/ Số ý TL** |  | **3** | **10** | **3** | **6** | **4** | **0** | **2** | **0** | **12** | **16** |  |
|  | **(Số YCCĐ)** |  |
|  | **Điểm số** |  | **1,5** | **2,5** | **1,5** | **1,5** | **2** | **0** | **1** | **0** | **6** | **4** | **10,0** |
|  | **Tổng số điểm** |  | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** | **10 điểm** |

# Bản đặc tả

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung và đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | **Câu hỏi** |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Câu số) | TN(Câu số) |
| ***1. Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật (33 tiết)*** |
| -Khái quát về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng- Quang hợp ở thực vật- Một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp- Hô hấp tế bào và một số yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp tế bào- Trao đổi khí ở sinh vật- Vai trò của nước và chất dinh dưỡng đối với sinh vật- Trao đổi nước và chất dinh dưỡng ở thực vật và động vật | **Nhận biết** | -Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. |  |  |  |  |
| -Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. |  | 1 |  | C1 |
| * Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp
 |  | 1 |  | C3 |
| * Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô
 |  | 1 |  | C4 |
| -Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. | 1 |  | C17a |  |
| -Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải. |  |  |  |  |
| - Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước; |  |  |  |  |
| -Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; |  |  |  |  |
| -Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước. |  |  |  |  |
| + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây; |  |  |  |  |
|  | + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người); |  | 1 |  | C5 |
| + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người); |  | 1 |  | C7 |
| + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | -Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. |  | 1 |  | C2 |
| -Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng. |  | 1 |  | C9 |
| -Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người) |  | 1 |  | C6 |
| -Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống). | **1** | 1 | C18 | C8 |
| **Vận dụng** | -Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. |  |  |  |  |
| -Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh. |  |  |  |  |
| -Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. |  |  |  |  |
| * Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước
 |  |  |  |  |
|  | * Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây).
 |  |  |  |  |
| * Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá

năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ... | 1 |  | C17b |  |
| ***2. Cảm ứng ở sinh vật (7 tiết)*** |
| - Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật- Vận dụng hiện tượng cảm ứng ở sinh vật vào thực tiễn | **Nhận biết** | * Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.
 | 1 | 1 | C19a | C10 |
| * Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật.
 |  |  |  |  |
| * Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật;
 |  |  |  |  |
| * Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật.
 |  |  |  |  |
| * Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc).
 |  |  |  |  |
| -Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật). |  |  |  |  |
| * Lấy được ví dụ minh hoạ về tập tính ở động vật.
 |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | * Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích được một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập
 | **1** |  | C19b |  |
| -Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| ***3. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (8 tiết)*** |
| -Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật.-Ứng dụng sinh trưởng và phát triển ở sinh vật vào thực tiễn | **Nhận biết** | -Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. |  | 1 |  | C11 |
| -Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. |  |  |  |  |
| – Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên. |  |  |  |  |
| – Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó. |  |  |  |  |
| - Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng). | 1 |  | C20a |  |
| - Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). |  | 1 |  | C12 |
| **Vận dụng** | Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng. |  |  |  |  |
| * Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật.
 |  |  |  |  |
| * Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).
 | 2 |  | C20b,c |  |
| ***4. Sinh sản ở sinh vật (11tiết)*** |
| -Sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính ở sinh vật- Một số yếu tố ảnh hưởng và điều hòa, điều khiển sinh sản ở sinh vật**-** Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất | **Nhận biết** | Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật. |  | 1 |  | C13 |
| * Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.
 |  | 1 |  | C14 |
| -Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| - Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô). |  |  |  |  |
| * Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật.
 |  |  |  |  |
| * Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính.
 |  |  |  |  |
| * Nêu được một số ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn
 |  |  |  |  |
| -Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả. |  |  |  |  |
| * Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng).
 |  |  |  |  |
| - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật |  |  |  |  |
| * Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật.
 |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | * Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.
 |  |  |  |  |
| -Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính. | 2 | 2 | C21a,b | C15,C16 |
| **Vận dụng** | – Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây. |  |  |  |  |
|  | **Vận dụng cao:** | Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). | 2 |  | C22a,b |  |
|  | -Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng – sinh trưởng, pháttriển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh được cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. |  |  |  |  |

**C, Đề KT**

1. **TRẮC NGIỆM: 4,0 điểm**

*Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:*

**Câu 1** Trong quá trình trao đổi chất, máu và nước mô sẽ cung cấp cho tế bào những gì ?

A. Khí ôxi và chất thải B. Khí cacbônic và chất thải

C. Khí ôxi và chất dinh dưỡng D. Khí cacbônic và chất dinh dưỡng

**Câu 2:** Trong quá trình quang hợp ở thực vật, các khí được trao đổi qua khí khổng
như thế nào?

 A.co2 và 02 khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, hơi nước thoát
ra ngoài.

 B.02 và co2 khuếch tán từ trong tế bào lá ra mòi trường.

C.02 khuếch tán từ mòi trường vào trong tế bào lá, co2 khuếch tán từtrong
tế bào lá ra mòi trường.

D.co2 khuếch tán từ môi trường vào trong tế bào lá, 02 khuếch tán từtrong
tế bào lá ra mòi trường.

 **Câu 3:** Những yếu tố chủ yếu ngoài môi trường ảnh hưởng đến quang hợp của cây xanh là:

A. nước, ánh sáng, nhiệt độ.

B. nước, khí cacbon dioxide, nhiệt độ.

C. nước, ánh sáng, khí oxygen, nhiệt độ.

D. nước, ánh sáng, khí cacbon dioxide, nhiệt độ.

**Câu 4.**Sản phẩm của hô hấp tế bào gồm:

A. Oxi, nước và năng lượng

B. Nước, đường và năng lượng

C. Nước, khí cacbonic và đường

###### D. Khí cacbonic, đường và năng lượng

**Câu 5:** Con người mất bao nhiêu lượng nước của cơ thể thì tử vong?

A.3 đến 5%. B. 2 đến 4%. C. 6 đến 8%. D. 12 đến 20%.

**Câu 6.**Phát biểu nào sau đây là đúng nhất về vòng tuần hoàn lớn:

A. Vòng tuần hoàn lớn đưa máu giàu O2 và các chất bài tiết đến các cơ quan để nuôi dưỡng cơ thể, nhận các chất dinh dưỡng và khí CO2trở về tim.

B. Vòng tuần hoàn lớn đưa máu giàu khí CO2 và các chất dinh dưỡng đến các cơ quan để nuôi dưỡng cơ thể, nhận các chất bài tiết và khí O2 trở về tim

C.Vòng tuần hoàn lớn đưa máu chứa khí CO2 và các chất bài tiết đến các cơ quan để nuôi dưỡng cơ thể, nhận máu giàu khí O2 và các chất dinh dưỡng trở về tim

 D. Vòng tuần hoàn lớn đưa máu giàu O2 và các chất dinh dưỡng đến các cơ quan để nuôi dưỡng cơ thể, nhận các chất bài tiết và khí CO2 trở về tim

##### **Câu 7**.Trong thức ăn, những chất dinh dưỡng nào cần được biến đổi thành các chất đơn giản hơn để cơ thể dễ hấp thụ:

A.Cacbohyđrate, protein, lipid

B.Protein, lipid, vitamin

C. Vitamin, Cacbohyđrate, muối khoáng

D.Nước, muối khoáng, vitamin

**Câu 8.** Một cành hoa bị héo, sau khi ngâm trong nước, hoa bỗng tươi trở lại. Hiện tượng trên phản ánh vai trò của bộ phận nào đối với đời sống thực vật ?

A. Mạch gỗ B. Mạch rây C. Ruột D. Nội bì

**Câu 9.** Khi tế bào khí khổng no nước thì

A. thành mỏng căng ra, thành dày co lại làm cho khí khổng mở ra.

B. thành dày căng ra làm cho thành mỏng căng theo, khí khổng mở ra.

C. thành dày căng ra làm cho thành mỏng co lại, khí khổng mở ra.

 D. thành mỏng căng ra làm cho thành dày căng theo, khí khổng mở ra

**Câu 10 .**Cảm ứng ở sinh vật là phản ứng của sinh vật với các kích thích

A. từ môi trường. B. từ môi trường ngoài cơ thể.

C. từ môi trường trong cơ thể. D. từ các sinh vật khác.

**Câu 11.** Sinh trưởng ở sinh vật là quá trình tăng lên kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước và

A. số lượng tế bào.

B. số lượng mô.

C. số lượng tế bào và mô.

D. phân hóa tế bào.

**Câu 12.** Ứng dụng sự thích nghi của cây trồng với nhân tố ánh sáng người ta trồng xen các loại cây theo trình tự sau:

A. Trồng cây ưa bóng trước, cây ưa sáng sau.

B. Trồng cây ưa sáng trước, cây ưa bóng sau.

C. Trồng đồng thời nhiều loại cây.

D. Tùy theo mùa vụ để điều chỉnh.

**Câu 13 .**Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản:

A. Cần 2 cá thể.

B. Không có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái

C. Có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái.

D. Chỉ cần giao tử cái.

**Câu 14 .**Trong các loài hoa dưới đây, loài hoa đơn tính là?

|  |
| --- |
| 1. Hoa ly.
2. Hoa mướp.
3. Hoa đào.
4. Hoa phượng*.*
 |

**Câu 15 .**Quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật diễn ra lần lượt theo các giai đoạn nào?

|  |
| --- |
| 1. Tạo quả và hạt → Thụ tinh → Thụ phấn →Hình thành giao tử.
2. Tạo quả và hạt → Thụ phấn → Thụ tinh →Hình thành giao tử.
3. Tạo giao tử →Thụ phấn →Thụ tinh → Hình thành quả và hạt.
4. Tạo giao tử → Thụ tinh →Thụ phấn → Hình thành quả và hạt.
 |

**Câu 16 .**Điều nào sau đây là đúng khi nói về sinh sản hữu tính?

|  |
| --- |
| 1. Sinh sản hữu tính có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái, tạo ra cá thể mới đa dạng, có khả năng thích nghi với môi trường sống thay đổi.
2. Sinh sản hữu tính không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái, tạo ra cá thể mới đa dạng, thích nghi với môi trường sống ít thay đổi.
3. Sinh sản hữu tính không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái, tạo ra cá thể mới đa dạng, có khả năng thích nghi với môi trường sống thay đổi.
4. Sinh sản hữu tính có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái, tạo ra cá thể mới đa dạng, không có khả năng thích nghi với môi trường sống thay đổi.
 |

**II.TỰ LUẬN: 6,0 điểm**

**Câu 17:** a,Em hãy viết phương trình tổng quát của quang hợp?

b,Giải thích vì sao chúng ta nên ăn đa dạng các loại thức ăn mà không nên chỉ ăn một loại thức ăn dù loại thức ăn đó rất bổ dưỡng**?**

**Câu 18**. Mô tả con đường sự hấp thụ nước và chất khoáng từ môi trường ngoài vào mạch gỗ của rễ?

**Câu 19**.a, Cảm ứng ở sinh vật là gì?

b,Trước kì ngủ đông gấu có thói quen ăn thật nhiều để cơ thể béo lên nhanh chóng. Em hãy giải thích ý nghĩa của thói quen này ở gấu?

**Câu 20.** Cho hình ảnh sau:



a. Hãy cho biết giới hạn sinh thái về nhiệt độ của loài cá rô phi là bao nhiêu độ C? b,Điểm cực thuận cho biết điều gì về sự sinh trưởng của cá rô phi?

b,Tại sao ở miền Bắc Việt Nam, đặc biệt là tại các tỉnh miền núi, vào mùa đông người ta không nuôi cá rô phi để bán?

**Câu 21** a,Ghép cành khác với chiết cành ở những điểm nào?

b,Tại sao cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành?

**Câu 22.** a,Tại sao người ta có thể điều chỉnh tỉ lệ đực : cái ở vật nuôi.

b,Điều đó có ý nghĩa gì trong thực tiễn?

# d) Hướng dẫn chấm

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲII**

1. **TRẮC NGHIỆM: 4điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **ĐA** | C | D | D | D | D | D | A | A |
| **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **ĐA** | D | A | A | B | B | B | C | A |

1. **TỰ LUẬN:6 điểm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **Câu 17. (1 điểm)****a. Phương trình tổng quát** Ánh sángNước + carbon dioxide → Glucose + Oxygen Diệp lụcb- Mỗi loại thức ăn chỉ chứa một số loại chất dinh dưỡng nhất định.- Cơ thể cần đầy đủ các loại chất dinh dưỡng để có thể sinh trưởng và phát triển bình thường.→ Nếu chỉ ăn một loại thức ăn thì cơ thể sẽ có nguy cơ thiếu hụt chất dinh dưỡng dẫn đến cơ thể sẽ không thể sinh trưởng và phát triển bình thường, thậm chí có thể mắc bệnh tật. | **0,5 điểm****0,25 điểm****0,25 điểm** |
| **Câu 18. (0,5 điểm)**- + Con đường gian bào: nước và muối khoáng từ tế bào lông hút đi qua khoảng không gian giữa các tế bào vào trong mạch gỗ của rễ.+ Con đường tế bào chất: Nước và muối khoáng từ tế bào lông hút đi xuyên qua tế bào chất của các tế bào vào trong mạch gỗ của rễ. | **0,25 điểm****0,25 điểm** |
| **Câu 19. (1,0 điểm)**a,Cảm ứng là phản ứng của sinh vật đối với các kích thích đến từ môi trường.b,Bắt đầu từ mùa hè, gấu đã bắt đầu dự trữ dinh dưỡng cho kì ngủ đông. Chất dinh dưỡng này đáp ứng đủ nhu cầu cơ thể gấu trong cả quá trình ngủ đông. Nhờ chất dinh dưỡng tích trữ đủ, cơ thể ngủ hết mùa đông đến khi các chất dinh dưỡng này cạn thì cũng là lúc kì ngủ đông này kết thúc. | **0,5 điểm****0,5 điểm** |
| **Câu 20. (1,5 điểm)**a,Giới hạn về nhiệt độ của cá rô phi là từ 5 – 420C. b,Điểm cực thuận cho biết nhiệt độ mà tại đó sự sinh trưởng của cá rô phi là tốt nhất.c,Ở Miền Bắc Việt Nam, đặc biệt tại các tỉnh miền núi, vào mua đông nhiệt độ thường xuống thấp, trung bình 150C, có lúc thậm chí xuống mức 7-80C khoảng nhiệt này làm sự sinh trưởng của cá chậm lại nhiều thậm chí có thể chết. Bởi vậy mùa đông không nuôi cá thương phẩm. | **0,5 điểm****0,5 điểm****0,5 điểm** |
| **Câu 21.( 1 điểm)**\* Ghép cành có sự kết hợp giữa các loài khác nhau trên cùng một thân gốc.\* Vì cây ăn quả lâu năm nếu muốn gieo từ hạt thành cây trưởng thành thì mất rất nhiều thời gian.Chiết cành có thể rút ngắn được thời gian sinh trưởng, duy trì giống cây tốt trước đó. | **0,5 điểm****0,25 điểm****0,25 điểm.** |
| **Câu 22(1 điểm)** - Sự phân hoá giới tính chịu ảnh hưởng của các nhân tố môi trường bên trong (hoocmon sinh dục) và bên ngoài (nhiệt độ, ánh sáng,…).Ví dụ: Dùng mêtyl testostêrôn tác động vào cá vàng cái có thể biến thành cá đực (về kiểu hình).- Ở một số loài rùa, nếu trứng được ủ ở nhiệt độ dưới 28oC sẽ nở thành con đực, nếu nhiệt độ trên 32oC trứng nở thành con cái.- Nắm được cơ chế xác định giới tính và các yếu tố ảnh hưởng tới sự phân hoá giới tính người ta có thể chủ động điều chỉnh tỉ lệ đực : cái ở vật nuôi cho phù hợp với mục đích sản xuất. | **0,5 điểm****0,25 điểm****0,25 điểm** |